SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM Y TẾ
BẮC KẠN

Số: 109 /QĐ -TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 26 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ BẮC KẠN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, thành phố thuộc Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-SYT ngày 12/8/2025 của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (sau sắp xếp, tổ chức bộ máy);

Theo đề nghị của Phó trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (sau sắp xếp, tổ chức bộ máy) của đơn vị Trung tâm Y tế Bắc Kạn (*Theo biểu chi tiết định kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, (bà) Trưởng, phó các phòng, khoa, Trạm Y tế và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
Gửi bản điện tử:
- Như điều 3; (t/h);
- Sở Y tế Thái Nguyên; (B/c)
- BGĐ TTYT;
- Các khoa, phòng, TYT;
- Trang TTĐT ĐV (CNTT Hường);

Gửi bản giấy:
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM Y TẾ BẮC KẠN

Hà Cát Trúc

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Y tế Bắc Kạn
Chương: 423

CÔNG KHAI SỐ LIỆU
GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 109 /QĐ-TTYT ngày 26 /8/2025 của Trung tâm Y tế Bắc Kạn)

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Chương, loại khoản	Mã nguồn	Số tiền
I. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH			**17.661.000.000**
A. CHI THƯỜNG XUYÊN			**17.661.000.000**
1. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			**17.661.000.000**
1.1. Hoạt động Y tế dự phòng			**14.010.000.000**
1.1.1. Kinh phí thường xuyên hệ Dự phòng	423-130-131	13	**5.040.000.000**
- Quỹ tiền lương và các khoản đóng góp theo lương			4.554.000.000
- Chi hoạt động của biên chế được giao			486.000.000
1.1.2. Kinh phí thường xuyên Trạm Y tế	423-130-131	13	**7.127.000.000**
- Quỹ tiền lương và các khoản đóng góp theo lương			6.461.000.000
- Chi hoạt động của biên chế được giao			666.000.000
1.1.3. Kinh phí không thường xuyên	423-130-131	12	**1.230.000.000**
- Kinh phí cho YTTB			880.800.000
- Kế hoạch đảm bảo kinh phí cho các hoạt động P/chống HIV/AIDS			63.600.000
- Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị y tế, tài sản khác (hỗ trợ để sửa chữa bảo dưỡng tuyến huyện xã dự phòng)			70.000.000
- Duy trì các chương trình theo CTMT Y tế dân số giai đoạn 2016-2020			215.600.000
1.1.4. Hỗ trợ kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.	423-130-131	18	**613.000.000**
1.2. Hoạt động khám chữa bệnh	423-130-132		**3.513.000.000**
1.2.1. Kinh phí thường xuyên	423-130-132	13	**3.246.000.000**
- Quỹ tiền lương và các khoản đóng góp theo lương			2.955.000.000
- Chi hoạt động của biên chế được giao			291.000.000
1.2.2. Kinh phí không thường xuyên	423-130-132	12	**80.000.000**
- Kinh phí sửa chữa xe ô tô			80.000.000
1.2.3. Hỗ trợ kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.	423-130-132	18	**187.000.000**
1.3. Hoạt động Y tế khác	423-130-139		**20.000.000**

1.3.1. Kinh phí không thường xuyên	423-130-139	12	**20.000.000**
- Kinh phí phòng chống cháy nổ, bảo hiểm phòng chống cháy nổ			20.000.000
1.4. Hoạt động ATTP			**86.000.000**
1.4.1. Kinh phí không thường xuyên	423-130-134	12	**86.000.000**
- Duy trì các chương trình theo CTMT Y tế dân số giai đoạn 2016-2020			86.000.000
1.5. Hoạt động dân số	423-130-151		**32.000.000**
1.5.1. Kinh phí không thường xuyên	423-130-151	12	**32.000.000**
- Duy trì các chương trình theo CTMT Y tế dân số giai đoạn 2016-2020			32.000.000

Bằng chữ: Mười bảy tỷ, sáu trăm sáu mươi mốt triệu đồng./.